

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2025/TLST- KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần M

Địa chỉ trụ sở: đường L, phường Y, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Văn O và ông Phạm Văn H – Chuyên viên xử lý nợ, Công ty M

(Theo văn bản uỷ quyền số 1844.1/UQ-M ngày 21/02/2025)

- *Bị đơn*: anh Bùi Ngọc T, sinh năm: 1980 và chị Phạm Thị P, sinh năm: 1998; cùng địa chỉ: thôn Đ, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1959; địa chỉ: thôn T, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1987; địa chỉ: thôn Đ, phường Q, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1984; địa chỉ: khu 4, phường V, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị Bùi Thị X, sinh năm: 1989; địa chỉ: khu Y, phường V, thành phố Hà Nội.

5. Anh Bùi Ngọc T sinh năm: 1980; địa chỉ: thôn Đ, phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.

6. Anh Nguyễn Trọng B, sinh năm: 1975; địa chỉ: phường V, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Phạm Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị H, chị Bùi Thị L, chị Bùi Thị X, anh Nguyễn Trọng B):

Anh Bùi Ngọc T, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: thôn Đ, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

(Theo giấy uỷ quyền số chứng thực 3868 - quyền số 04/2025 SCT/CK, CD ngày 24/12/2025)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP M, bị đơn anh Bùi Ngọc T, bị đơn chị Phạm Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị H, chị Bùi Thị L, chị Bùi Thị X, anh Bùi Ngọc T và anh Nguyễn Trọng B cùng thống nhất, tính đến ngày 18/5/2026, bị đơn anh Bùi Ngọc T và chị Phạm Thị P còn nợ Ngân hàng TMCP M số tiền là 2.590.344.070 đồng (*Hai tỷ năm trăm chín mươi triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi đồng*). Trong đó:

+ Nợ gốc là 2.174.250.294 đồng (*Hai tỷ một trăm bảy mươi tư triệu hai trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi tư đồng*);

+ Lãi trong hạn là 7.992.329 đồng (*Bảy triệu chín trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*);

+ Lãi quá hạn là 406.824.866 đồng (*Bốn trăm linh sáu triệu tám trăm hai mươi tư nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng*);

+ Lãi chậm trả là 1.276.581 đồng (*Một triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi một đồng*);

Kể từ ngày 19/5/2026 cho đến khi trả hết nợ, bị đơn anh Bùi Ngọc T, chị Phạm Thị P tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP M theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay số 2.24.604.7651822.TD ngày 12/01/2024 và Văn bản nhận nợ số LD2401247863 ngày 12/01/2014.

- Ngân hàng TMCP M và bị đơn anh Bùi Ngọc T, chị Phạm Thị P cùng thống nhất phương án trả nợ như sau:

Chậm nhất là ngày 18/8/2026, bị đơn anh Bùi Ngọc T và chị Phạm Thị P phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP M toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 18/5/2026 là 2.590.344.070 đồng (*Hai tỷ năm trăm chín mươi triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ 19/5/2026 theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận tại Hợp đồng cho vay số 2.24.604.7651822.TD ngày 12/01/2024 và Văn bản nhận nợ số LD2401247863 ngày 12/01/2014 đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho ngân hàng M. Số nợ trên được chia thành 03 kỳ trả nợ:

Kỳ 1: đến ngày 18/6/2026, bị đơn phải trả 10.000.000 đồng (Mười triệu

đồng) được trừ vào nợ gốc;

Kỳ 2: đến ngày 18/7/2026, bị đơn phải trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) được trừ vào nợ gốc

Kỳ 3 (kỳ cuối): đến ngày 18/8/2026 bị đơn phải trả hết toàn bộ nợ gốc, nợ lãi còn lại cho Ngân hàng TMCP M.

- Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên thì ngân hàng TMCP M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất diện tích 821,6 m² trong đó 300 m² đất ở và 521,6 m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện H (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 482954 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30/11/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị T. Chi tiết theo hợp đồng thế chấp số 82921.22.604.7651822.BĐ ngày 05/01/2023.

- Trường hợp số tiền thu hồi sau khi xử lý tài sản đảm bảo trên không đủ để trả nợ cho ngân hàng M, thì anh Bùi Ngọc T và chị Phạm Thị P phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng M cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2.2. *Về chi phí tố tụng*: bị đơn anh Bùi Ngọc T và chị Phạm Thị P phải liên đới nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Do nguyên đơn Ngân hàng TMCP M đã nộp tạm ứng chi phí tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP M 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

2.3. *Về án phí*: bị đơn anh Bùi Ngọc T và chị Phạm Thị P phải liên đới nộp 41.903.440 đồng (Bốn mươi một triệu chín trăm lẻ ba nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP M 40.141.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002111 ngày 25/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thuý Huyền